TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HS-ST
Ngày 26 – 3 – 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu
2. Bà Trần Thị Minh Thâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Vạn Quốc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Đoàn Văn Đ, sinh ngày: 01/4/2006 tại tỉnh Gia Lai; số căn cước công dân: 052206003768; nơi cư trú: Làng S, xã C, tỉnh Gia Lai; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Chăm; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; con ông: Đoàn Văn Y, sinh năm: 1980 và bà Lê Thị M, sinh năm: 1984; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/10/2025 cho đến nay và hiện nay đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam A (cơ sở 1) thuộc Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh G. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Phan Thị Mỹ D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G; địa chỉ: Số D đường T, phường Q, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm: 1988; cư trú tại: Làng H, xã C tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Em Lê Văn Đ1, sinh ngày: 02/9/2009; cư trú tại: Làng H, xã C, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn V, sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1978; đồng cư trú tại: Làng H, xã C, tỉnh Gia Lai là cha mẹ của em Lê Văn Đ1. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan em Lê Văn Đ1: Bà Trịnh Thị H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G; địa chỉ: Số D đường T, phường Q, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1962; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Bà Mai Thị N, sinh năm: 1964. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Làng H, xã C, tỉnh Gia Lai.

- *Người làm chứng:* Bà Lê Thị M, sinh năm: 1964; cư trú tại: Làng S, xã C, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 45 phút ngày 15/06/2025, Lê Văn Đ1 đi bộ một mình đến sau nhà ông Nguyễn Văn B ở làng H, xã C, tỉnh Gia Lai. Khi đến nơi, Đ1 đi vào vườn nhà ông B từ cổng sau, ra phía trước nhà thì thấy có 01 chiếc xe máy hiệu Exciter của con trai ông B là anh Nguyễn Văn S đang dựng ở hiên bên phải nhà. Khi đến gần, Đ1 thấy trên ổ khóa xe có cắm sẵn 01 chùm chìa khóa nên đã lấy chùm chìa khóa này mở cửa bên hông phải đi vào trong nhà ông B. Đen quan sát thấy phòng ngủ bên cạnh phòng khách có khóa cửa nên nghĩ rằng bên trong có cất tài sản. Ngay sau đó, Đ1 lấy chiếc ghế thang đốt nhang ở phòng khách nhà ông B để trèo qua tường ngăn cách buồng, đột nhập vào bên trong. Sau khi lục lọi, Đ1 thấy dưới gầm giường có 01 giỏ nhựa đựng quần áo, kéo ra thấy có 01 bì nilon đen, bên trong có 03 cọc tiền (02 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng còn nguyên dây đai màu trắng và 01 cọc tiền có nhiều mệnh giá từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng) nên Đ1 đã lấy toàn bộ bì nilon tiền này bỏ vào trong túi quần rồi theo đường cũ trèo ra bên ngoài tẩu thoát. Sau đó, Đ1 đến một đám ruộng ở gần nhà, lấy số tiền vừa trộm được ra đếm được tổng cộng 126.000.000 đồng rồi giấu tại đây.

Sau khi giấu số tiền vừa lấy trộm được, Đ1 đi bộ đến nhà Đoàn Văn Đ, nhờ Đang chở đến xã V, huyện V, tỉnh Bình Định (cũ) chơi thì Đ đồng ý rồi điều khiển xe mô tô chở Đ1 về nhà để Đ1 thay quần áo. Sau đó, Đ1 đến nơi giấu tiền lấy số tiền đã cất giấu, Đ1 giấu 03 cọc tiền nói trên trong túi quần cộm lên, Đang nhìn thấy nên nghi ngờ số tiền này do Đen trộm cắp mà có. Đen đề nghị Đang chở Đ1 đi mua điện thoại nên Đang đồng ý. Khi đến đường bê tông dẫn vào bãi rác C, Đ chở Đ1 rẽ vào đoạn đường vắng không có nhà dân thuộc thôn H, xã V, tỉnh Gia Lai; Đang dừng xe lại và yêu cầu Đ1 mang số tiền đã lấy trộm được ra đếm. Tại

đây, Đ1 lấy toàn bộ số tiền đã lấy trộm nói trên đưa cho Đ xem rồi nói rằng đã đếm nên không cần đếm nữa. Đen đưa cho Đ 02 cọc tiền còn nguyên mệnh giá 500.000 đồng nhờ Đang nhét tiền vào trong ví của Đ1, cọc tiền còn lại Đ1 cất lại vào trong túi. Đang nhét 01 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng và 10.000.000 đồng từ cọc còn lại vào ví tiền của Đ1, còn lại 40.000.000 đồng Đang cất vào túi quần của mình rồi tiếp tục chở Đ1 đến Cửa hàng điện thoại Vân Sơn của anh Huỳnh Hoàng P ở thôn H, xã V, tỉnh Gia Lai. Tại đây, Đ1 mua 01 điện thoại hiệu Iphone 11 Promax với giá 7.000.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 12 với giá 8.000.000 đồng rồi cho Đ điện thoại Iphone 11 Promax. Sau đó, Đ tiếp tục chở Đ1 đi mua một số đồ đạc rồi đi xã V, huyện V, tỉnh Bình Định (cũ) nhưng khi đi đến thành phố Q thì trời tối nên cả hai về nhà. Đến sáng ngày 16/6/2025, Đ1 đi bộ đến nhà Đ, tiếp tục nhờ Đ chở đi V. Khi gặp nhau, Đ đã đưa lại cho Đ1 số tiền 18.500.000 đồng, giữ lại số tiền 21.500.000 đồng, rồi dùng xe mô tô chở Đ1 đến xã V. Khi đến nơi, Đ1 cho Đ số tiền 2.000.000 đồng rồi Đang đi về, còn Đ1 ở lại. Trong thời gian ở lại xã V, Đen mua 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, gắn biển số 59X2-657.25 với giá tiền 9.000.000 đồng từ một người đàn ông tên V1 (không rõ nhân thân lai lịch) để sử dụng. Đến ngày 20/6/2025, Đ gọi điện qua ứng dụng messenger cho Đ1 xin tiền nên Đ1 đến tiệm T1 do ông Lê Văn T làm chủ ở thôn K, xã V, tỉnh Gia Lai đưa 6.000.000 đồng tiền mặt, nhờ chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng T2 số 19073121556012 của Đoàn Văn Đ. Đến ngày 22/6/2025, Đ tiếp tục gọi điện cho Đ1 xin tiền nên Đ1 ghé vào tiệm điện thoại Anh H1 do ông Nguyễn Thái H1 làm chủ ở thôn B, xã T, tỉnh Gia Lai đưa 10.000.000 đồng tiền mặt nhờ chuyển khoản cho Đ theo số tài khoản ngân hàng T2 nói trên. Sau đó, Đ1 đi về đến cầu vượt C Bà D1 thì không biết đường về nên điện thoại cho Đ đến đón về.

Khi về đến nhà, Đ1 cất giấu số tiền còn lại trong phòng ngủ. Đến ngày 25/6/2025, Đ1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G triệu tập làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Đ1 thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình. Khi Đ1 bị Cơ quan Công an triệu tập làm việc, bà Nguyễn Thị L (là mẹ ruột của Đ1) kiểm tra, phát hiện Đ1 cất giấu số tiền 15.950.000 đồng trong phòng ngủ nên đã mang đến giao nộp cho cơ quan Công an.

Quá trình điều tra, Đoàn Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G thu thập được và tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax cùng với số tiền 18.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTTHS ngày 19/12/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Gia Lai kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax dung lượng 64 GB (đã qua sử dụng) có giá trị 6.950.000 đồng.

Ngày 23/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã trả lại số tiền 33.950.000 đồng cho ông B. Bà L (mẹ ruột của Đ1) đã bồi thường số tiền 61.000.000 đồng và bà Lê Thị M đã bồi thường thay cho Đoàn Văn Đ số tiền 31.050.000 đồng cho bị hại. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh G đã tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax do Đoàn Văn Đ tự nguyện giao nộp và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter BKS 59X2-657.25, số khung: 55P1-374163, số máy: RLCE55P10EY374154.

Tại Bản cáo trạng số 52/CT-VKS-KV2 ngày 06/02/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Đoàn Văn Đ về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng nêu trên nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đ về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với các tài sản do phạm tội mà có, gồm:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter BKS 59X2-657.25, số máy: 55P1-374163, số khung: RLCE55P10EY374154.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn Đ trình bày lời bào chữa: Thống nhất như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; đề nghị áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn Đ 06 tháng tù và miễn án phí hình sự sơ thẩm vì bị cáo thuộc hộ cận nghèo.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Lê Văn Đ1 trình bày: Thống nhất nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Gia Lai, đề nghị áp dụng Điều 12 Bộ luật hình sự không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Văn Đ1.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng nêu trên và không có ý kiến hay khiếu nại đối với kết luận định giá tài sản. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã biết lỗi và hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại chị Nguyễn Thị Á, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, bà Mai Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan em Lê Văn Đ1, người đại diện hợp pháp của em Đ1 là ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị L, người làm chứng bà Lê Thị M vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Xét thấy: Trong quá trình điều tra, những người nêu trên đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ. Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng, những người tiến hành tố tụng khác cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của những người nêu trên. Căn cứ các Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 15/06/2025 tại nhà ông Nguyễn Văn B ở làng H, xã C, tỉnh Gia Lai, Lê Văn Đ1 đã có hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 126.000.000 đồng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội trên, Đ1 đã gặp và nhờ Đoàn Văn Đ chở đi chơi. Khi Đ điều khiển xe chở Đ1 đi thì Đang phát hiện Đ1 mang theo số tiền 126.000.000đồng trên người, mặc dù biết rõ số tiền này là do Đen trộm cắp mà có nhưng Đang vẫn nhận lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax trị giá 6.950.000 đồng và 39.500.000 đồng của Đ1 cho từ số tiền Đen trộm cắp mà có.

Do đó, hành vi của bị cáo Đoàn Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự như nội dung Bản cáo trạng số 52/CT-VKSKV2 ngày 06/02/2026 của Viện Kiểm

sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đoàn Văn Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo cũng đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình khó khăn và bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo Đoàn Văn Đ ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm; Bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền 126.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với các tài sản do phạm tội mà có, gồm:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax (đã qua sử dụng);

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter BKS 59X2-657.25, số máy: 55P1-374163, số khung: RLCE55P10EY374154 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 10/02/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh G và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Gia Lai)

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Đoàn Văn Đ thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Đối với Lê Văn Đ1 đã có hành vi trộm cắp số tiền 126.000.000 đồng của bị hại vào ngày 15/6/2025 nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi nêu trên, Đ1 mới 15 tuổi 09 tháng 13 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh G không xử lý hình sự đối với Lê Văn Đ1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Huỳnh Hoàng P, đã nhận tiền của Lê Văn Đ1 để bán điện thoại; Lê Văn T, Nguyễn Thái H1 nhận tiền mặt của Lê Văn Đ1 để chuyển khoản cho Đoàn Văn Đ nhưng không biết số tiền này do Đ1 trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G không xử lý P, T, H1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị L là mẹ ruột Lê Văn Đ1 khi biết Đ1 bị triệu tập làm việc về hành vi trộm cắp tài sản đã chủ động kiểm tra, phát hiện số tiền 15.950.000 đồng do Đ1 cất giấu trong phòng ngủ và giao nộp cho cơ quan Công an để xác minh, làm rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G không xem xét trách nhiệm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[10] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đề nghị về tội danh và hình phạt đối với bị cáo, phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị về tội danh và hình phạt đối với bị cáo là phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Lê Văn Đ1 đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Văn Đ1 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét cử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 268, Điều 269, Điều 292, Điều 293, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn Đ phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Đ 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/10/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với các tài sản gồm:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax (đã qua sử dụng);

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter BKS 59X2-657.25, số máy: 55P1-374163, số khung: RLCE55P10EY374154 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 10/02/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh G và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Gia Lai)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đoàn Văn Đ được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Phòng GĐ,KT,TTr &THA-TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Phương